

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2019/DSST

Ngày: 27/11/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA , TỈNH PHÚ YÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Lê Thị Thanh
Thuần

- *Thư ký phiên tòa :* Bà Phan Thị Lệ Siêng - Thư ký tòa án.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên
tòa:*** Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2019/TLST - DS ngày 27 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2019/QĐST - DS ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1984; Nơi cư trú: KP. N, phường C, TP. T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

- ***Bị đơn:*** Ông Đoàn Đình K, sinh năm 1985; Nơi cư trú: đường L, phường B, TP. T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N trình bày được tóm tắt như sau:**

Do quen biết nên bà nhiều lần cho ông Đoàn Đình K mượn tiền để xoay sở công việc cá nhân, không có thỏa thuận lãi, việc mượn tiền có viết giấy, cụ thể như sau: ngày 09/3/2017 cho mượn 70.000.000đ thời hạn từ ngày 09/3/2017 đến ngày 09/4/2017; ngày 28/4/2017 cho mượn 30.000.000đ thời hạn từ ngày 28/4/2017 đến ngày 28/5/2017; ngày 23/8/2018 cho mượn 20.000.000đ thời hạn từ ngày 23/8/2018 đến ngày 27/8/2018. Tổng số tiền bà cho K mượn là 120.000.000đ. Mặc dù quá hạn trả nợ số tiền trên nhưng K vẫn không trả cho bà.

Được biết hiện nay ông K đã bỏ nhà đi đâu không rõ. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông K trả cho bà tổng số tiền nợ là 120.000.000đ (theo 03 giấy mượn tiền nêu trên), không yêu cầu trả tiền lãi.

** Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.*

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng; Đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

+ Về nội dung vụ án: căn cứ các điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc ông Đoàn Đình K trả cho bà Trần Thị Mỹ N tổng số tiền 120.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Việc giải quyết theo thủ tục vắng mặt đương sự: Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn. Tuy nhiên, qua xác minh bị đơn bỏ địa phương đi mà không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn biết, là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa căn cứ các điều 5, 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành thụ lý giải quyết và niêm yết theo thủ tục chung. Bị đơn được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các giấy mượn tiền lập ngày 09/3/2017, 28/4/2017 và giấy mượn tiền lập ngày 23/8/2018 đủ cơ sở xác định:

+ Ngày 09/3/2017, ông Đoàn Đình K có vay của bà Trần Thị Mỹ N số tiền 70.000.000đ, không thỏa thuận lãi, thời hạn trả nợ từ ngày 09/3/2017 đến ngày 09/4/2017 là Hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ, bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

+ Ngày 28/4/2017, ông Đoàn Đình K có vay của bà Trần Thị Mỹ N số tiền 30.000.000đ, không thỏa thuận lãi, thời hạn trả nợ từ ngày 09/3/2017 đến

ngày 09/4/2017 là Hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi; đến hạn trả nợ nhưng vẫn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

+ Ngày 23/8/2018, ông Đoàn Đình K có vay của bà Trần Thị Mỹ N số tiền 20.000.000đ, không thỏa thuận lãi, là Hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, thời hạn trả nợ từ ngày 23/8/2018 đến ngày 27/8/2018; đến hạn trả nợ nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Buộc ông Đoàn Đình K phải trả cho bà Trần Thị Mỹ N: số tiền gốc 70.000.000đ theo Hợp đồng vay tài sản ngày 09/3/2017; số tiền gốc 30.000.000đ theo Hợp đồng vay tài sản ngày 28/4/2017; số tiền gốc 20.000.000đ theo Hợp đồng vay tài sản ngày 23/8/2018.

Về tiền lãi: Cả 03 giấy mượn tiền ngày 09/3/2017, ngày 28/4/2017 và ngày 23/8/2018 không thỏa thuận lãi và nguyên đơn cũng không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N, buộc bị đơn ông Đoàn Đình K phải trả nợ vay cho nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ N:

+ Hợp đồng vay tài sản ngày 09/3/2017 với số tiền gốc 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng)

+ Hợp đồng vay tài sản ngày 28/4/2017 với số tiền gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

+ Hợp đồng vay tài sản ngày 23/8/2018 với số tiền gốc 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

[2] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: - Ông Đoàn Đình K phải nộp 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Hoàn trả cho bà Trần Thị Mỹ N số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014856 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

[7] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND Phú Yên;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Thu